

ĐÀO QUANG TRUNG

MODULE TH

23

**MẠNG INTERNET - TÌM KIẾM
VÀ KHAI THÁC THÔNG TIN**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Mạng Internet là mạng máy tính lớn nhất trên toàn cầu. Internet (gọi tắt là NET) được xem là mạng của các mạng (network of networks) dùng để trao đổi thông tin trên toàn thế giới, còn gọi là siêu xa lộ thông tin (Information Superhighway). Ngày nay, mạng Internet là một mạng công cộng kết nối hàng trăm triệu máy tính trên toàn thế giới, là nơi lưu trữ lượng thông tin khổng lồ, nếu biết tìm kiếm và khai thác thì sẽ rất bổ ích cho công việc dạy và học.



B. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nắm được kiến thức về mạng Internet và cách sử dụng một trình duyệt web.
- Biết cách tìm kiếm thông tin trên Internet.
- Biết cách gửi và nhận thư điện tử.

2. Về kĩ năng

- Tìm kiếm được thông tin trên mạng.
- Nhận và gửi được thư điện tử.



C. NỘI DUNG

Nội dung 1

TÌM HIỂU VỀ INTERNET

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số khái niệm về Internet

THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Internet là gì?

Có nhiều quan niệm khác nhau về Internet, tuy nhiên, ta có thể hiểu như sau:

1. Internet là một mạng của các mạng dựa trên giao thức TCP/IP.
2. Internet bao gồm cộng đồng những người sử dụng và phát triển nó.
3. Internet là tập hợp các tài nguyên có thể truy cập được trong nó.

Internet (chữ I viết hoa) là mạng máy tính lớn nhất thế giới, hoặc chính xác hơn là hệ thống gồm các mạng thông tin máy tính được liên kết với nhau trên phạm vi toàn thế giới. Chúng được kết nối với nhau theo giao thức đặc biệt TCP/IP thông qua các hệ thống kênh truyền thông. Internet cho phép tất cả các máy tính bất kì có thể kết nối để trao đổi thông tin với nhau. Khi đã được kết nối vào Internet, máy tính sẽ là một trong số hàng trăm triệu thành viên của mạng khổng lồ này.

2. Intranet là gì?

Intranet là một tập hợp các máy tính được nối với nhau dựa trên công nghệ Internet. TCP/IP là giao thức chính thống trên Intranet và hầu hết các dịch vụ trên Internet như Web, FTP, Gopher, E-mai, Relay Chat đều có ở đây.

Thay vì cung cấp thông tin cho tất cả mọi người, Intranet chỉ mang thông tin trong phạm vi một tổ chức, hay một công ty. Intranet hoàn toàn có thể bị cô lập khỏi Internet, hoặc bằng cách ngắt ra, hoặc bị khoá bằng một bức tường lửa (firewall). Firewall chỉ đơn giản là một máy chủ đứng chắn giữa Intranet và thế giới bên ngoài theo dõi thông tin vào/ra Intranet. Firewall còn là công cụ giúp các nhà quản trị hệ thống, ngăn chặn việc truy nhập các tài liệu không mong muốn.

3. TCP/IP giao thức chuẩn của Inter/Intranet

TCP/IP là một tập các quy ước, các tiêu chuẩn (các giao thức) dùng cho quá trình phát truyền dữ liệu giữa các máy tính, nó cho phép chuyển dữ liệu giữa các máy tính được kết nối với mạng Intra/Internet.

NHIỆM VỤ

Chọn câu trả lời đúng:

Câu 1: Internet là

- A. Mạng cục bộ.
- B. Mạng rộng.

Câu 2: Định nghĩa nào chính xác nhất về mạng Internet về phương diện tin học?

- A. Là mạng của các mạng, có quy mô toàn cầu.
- B. Là mạng sử dụng chung cho mọi người, có rất nhiều dữ liệu phong phú.
- C. Là mạng rộng có quy mô toàn cầu hoạt động dựa trên giao thức TCP/IP.
- D. Là môi trường truyền thông toàn cầu dựa trên kĩ thuật máy tính.

Câu 3: Mạng cục bộ là

- A. Mạng có số máy ít, không cần thiết bị nối giữa các máy.
- B. Mạng trong phạm vi nhỏ, các máy chia sẻ trực tiếp đường truyền chung, không dùng thiết bị dẫn đường.
- C. Mạng không sử dụng giao thức TCP/IP.
- D. Mạng không dây.

Câu 4: Mạng rộng là

- A. Mạng có từ 100 máy trở lên.
- B. Mạng hình thành từ việc liên kết các mạng cục bộ thông qua các thiết bị kết nối.
- C. Mạng Internet.
- D. Mạng của một quốc gia.

Hoạt động 2: Tìm hiểu một số dịch vụ trên Inter/Intranet

THÔNG TIN CƠ BẢN

Inter/Intranet cung cấp rất nhiều dịch vụ khác nhau, sau đây một số ví dụ tiêu biểu:

1. World Wide Web – WWW là gì?

1.1. Tìm hiểu về World Wide Web

WWW được xây dựng dựa trên một kĩ thuật có tên gọi là hypertext (siêu văn bản). Hypertext là kĩ thuật trình bày thông tin trên một trang thông tin đa phương tiện mà trong đó có tồn tại các liên kết đến một hoặc nhiều trang thông tin khác thông qua các vùng được đánh dấu liên kết. Trên một trang thông tin đa phương tiện có thể có nhiều kiểu dữ liệu khác nhau như văn bản có định dạng, hình ảnh, âm thanh hay các đoạn phim,... Để xây dựng các trang dữ liệu với các kiểu dữ liệu khác nhau như vậy, WWW sử dụng một ngôn ngữ có tên là HTML (HyperText Markup Language). HTML cho phép định dạng các trang thông tin, cho phép thông tin được kết nối với nhau. Để thực hiện việc liên kết các tài nguyên này, WWW sử dụng phương pháp có tên là URL (Universal Resource Locator). Với URL, WWW cũng có thể truy nhập tới các tài nguyên thông tin từ các dịch vụ khác nhau như FTP, Gopher, Wais,... trên các server khác nhau. Để xem thông tin trên các máy chủ Web, người dùng sử dụng một phần mềm gọi là trình duyệt web (web Browser). Tại máy chủ phải có một phần mềm web server, phần mềm này thực hiện nhận các yêu cầu từ trình duyệt web gửi lên và gửi trả lại kết quả chính là nội dung các trang Web được yêu cầu. Các trình duyệt web thông dụng hiện nay như Netscape Navigator và Microsoft Internet Explorer.

1.2. Các chức năng cơ bản của trình duyệt Web

- Cho phép xem trang web.
- Cho phép lưu lại những địa chỉ của trang web (History hay Favorite/Bookmark).
- Cho phép sử dụng dịch vụ FTP bằng trình duyệt web.
- Cho phép thực thi chương trình E-mail.
- Cho phép chọn lựa, thay đổi phông chữ, màu sắc, kích thước chữ,...
- Các trình duyệt web đều sử dụng đĩa cứng để ghi tạm địa chỉ trang web mà người sử dụng đã hoặc đang lướt qua, phần dung lượng này có thể điều chỉnh được và còn gọi là Cache.

1.3. Truy nhập trang web

Để truy nhập vào một trang web, tức là đọc nội dung trang web đó, ta cần mở trình duyệt web và nhập địa chỉ URL của trang web đó vào ô "Address". Tất cả các tài nguyên trên Internet đều có URL (Uniform Resource Locator, một xâu kí tự có định dạng để xác định vùng tài nguyên).

Địa chỉ của trang web thường bắt đầu bằng cụm từ "http://" hoặc "http://www."

Http là viết tắt của HyperText Transfer Protocol (giao thức truyền siêu văn bản). Nó thông báo cho trình duyệt đây là một tài liệu Web và trình duyệt sẽ dùng giao thức truyền siêu văn bản để truy xuất thông tin.

Tiếp theo là cụm từ chỉ tên miền của máy chủ cần truy cập.

Ví dụ: `http://hnue.edu.vn/`

Đó chính là địa chỉ của máy chủ chứa trang web của trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Mọi từ theo sau tên miền đều là đường dẫn đến thư mục và tệp tin mà trình duyệt cần truy cập.

Để mở trang web trên đĩa cứng cục bộ thì địa chỉ sẽ bắt đầu bằng chữ "File:"

Ví dụ: `file:c:\index.htm`

Khi trang web đã được nạp, ta thấy những thành phần cơ bản của một trang web như là văn bản, hình ảnh và một vài từ với những màu sắc khác nhau. Những từ có màu khác này thường là những liên kết (hyper link) đến các trang khác, nếu ta nhấn chuột vào liên kết này thì một trang mới tương ứng với liên kết sẽ được nạp. Có một số hình ảnh mà khi ta nhấn chuột vào sẽ được nối đến một địa chỉ khác giống như là những cụm từ đổi màu ở trên. Điều khiển ta có cảm giác lướt trên web chính là liên kết từ trang này sang trang khác, từ liên kết này đến liên kết khác.

Để lưu trang web hiện tại: Chọn File → Save As →...

Để in trang web hiện tại: Chọn File → Print hoặc Ctrl+P

Ngoài ra, trong quá trình duyệt Web, ta có thể sử dụng một số chức năng trên thanh công cụ của trình duyệt Web như sau:

Back: Trở về trang trước đó.

Forward: Chuyển đến trang kế tiếp.

Stop: Chấm dứt truy xuất đến một trang web nào đó.

Refresh: Tải về trang web mới, tương ứng với địa chỉ trang web hiện hành trong ô Address.

1.4. Sử dụng dịch vụ FTP trong trình duyệt web

Trong ô Address:

Nếu đăng nhập FTP dưới dạng “Anonymous” (vô danh) thì đánh địa chỉ URL cho máy chủ FTP muốn kết nối tới:

Cú pháp: ftp://ftp.ftp-site.com/

(Ví dụ: ftp://ftp.Microsoft.com/)

Nếu máy chủ FTP có yêu cầu tên đăng nhập và mật khẩu ta cần nhập những thông tin sau:

Cú pháp: ftp://tên-đăng-nhập:mật-khẩu@ftp.ftp-site.com/

(Ví dụ: ftp://welcome:1234@ftp.simtel.net/)

Để tải về những tập tin trên máy chủ FTP, nhấn kép chuột vào tập tin và chọn “save to disk”.

1.5. Tìm kiếm trên web

Mạng Internet đã tạo nên một lượng tài liệu khổng lồ được lưu trữ trong các máy tính ở khắp nơi trên thế giới. Người sử dụng khó có thể tra cứu trong kho thông tin khổng lồ này mà không cần có sự trợ giúp của các công cụ tìm kiếm. Khi tiến hành tìm kiếm trên mạng, các công cụ tìm kiếm sẽ hướng máy tính của người dùng tới các trang web, nơi có các tài liệu họ cần và truy cập nguồn thông tin này. Có nhiều công cụ tìm kiếm, nhưng công cụ máy tìm kiếm (search engine) tìm kiếm thông tin qua việc sử dụng các từ khoá được ưa chuộng hơn cả. Phương thức tìm kiếm này gọi là tìm kiếm theo từ khoá (*keyword search*)

Các từ khoá thường dùng là

OR $\Rightarrow$ Tương ứng với khoảng trắng (Space)

AND $\Rightarrow$ Tương ứng với dấu +

NOT $\Rightarrow$ Tương ứng với dấu -

T: $\Rightarrow$ Tương ứng với cụm từ là tiêu đề trang web.

U: $\Rightarrow$ Tương ứng với cụm từ là địa chỉ trang web.

" " $\Rightarrow$ Tìm kiếm đúng cụm từ trong cặp dấu ngoặc kép.

Ví dụ: Khi ta muốn tìm kiếm những trang Web có nhắc đến Việt Nam nhưng không liên quan đến chiến tranh ta sẽ có cụm từ cần tìm như sau:

“Viet Nam” OR Vietnam NOT War

hoặc

“Viet Nam” Vietnam - War

Sau đây là một số website cung cấp công cụ Search Engine:

<http://www.google.com>

<http://www.altavista.com>

<http://www.infoseek.com>

<http://www.yahoo.com>

1.6. Một vài lưu ý khi duyệt web

- Xác định muốn tìm kiếm thông tin gì trên web.
- Những trang web nào thích hợp cho việc truy tìm thông tin này?
- Sử dụng các công cụ tìm kiếm trên web.
- Có thể mở nhiều cửa sổ cho mỗi trang Web bằng cách chọn File → New Window hoặc Ctrl+N.
- Muốn mở mỗi trang liên kết trong một cửa sổ mới, hãy đưa con trỏ chuột đến vùng đánh dấu liên kết (con trỏ chuyển thành hình bàn tay) → Nhấn Shift + chuột trái.
- Nên nhấn Stop để dừng trang không sử dụng rồi mới chọn tiếp sang trang web khác.

2. Thư điện tử (E-mail)

Thư điện tử (Electronic Mail hay E-mail) là cách gửi thư rất phổ biến hiện nay. E-mail có nhiều cấu trúc khác nhau tùy thuộc vào hệ thống máy tính của người sử dụng nhưng tất cả đều có chung một mục đích là gửi hoặc nhận thư điện tử trong thời gian ngắn.

Trong thực tế, có rất nhiều hệ thống máy tính khác nhau và mỗi hệ thống lại có cấu trúc chuyển, nhận thư điện tử khác nhau. Vì vậy, việc chuyển nhận thư điện tử giữa hai hệ thống khác nhau rất khó khăn và bất tiện. Chính vì vậy, người ta đã xây dựng một số giao thức chung cho E-mail. Giao thức thông thường sử dụng để lấy thư từ hộp thư ở xa là POP3 (Post Office Protocol), giao thức này có những lệnh để người dùng kết nối (login), ngưng kết nối (logout), lấy thư, xóa thư. Điểm chính của POP3 là lấy thư từ hộp thư và lưu trữ vào máy của người sử dụng.

Giao thức thường dùng để chuyển vận thư (gửi thư) là giao thức SMTP (Simple Mail Transfer Protocol). Nhờ giao thức này mà sự chuyển vận thư

điện tử trên Inter / Intranet đã trở thành dễ dàng nhanh chóng cho tất cả các người sử dụng cho dù họ có sử dụng các hệ thống máy tính khác nhau.

2.1. Các điều kiện cơ bản

Muốn gửi thư điện tử thì người gửi cần phải có một tài khoản (Account) trên một máy chủ thư điện tử nào đó. Một máy chủ có thể có nhiều tài khoản. Mỗi tài khoản đều được mang một định danh khác nhau, có mật khẩu truy nhập riêng và có một hộp thư riêng cho tài khoản đó. Ngoài ra, máy chủ thư điện tử đó phải được nối trực tiếp hoặc gián tiếp với hệ thống Internet nếu muốn gửi được thư toàn cầu. Những người sử dụng máy tính có thể nhận hoặc gửi thư điện tử bằng cách kết nối máy tính của họ với máy chủ thư điện tử thông qua hệ thống mạng Inter / Intranet.

2.2. Trình thư tín (Mail Program)

Muốn đọc hoặc gửi những thư điện tử từ một máy tính thì máy tính đó phải có một trình thư tín. Trình thư tín này sẽ thực hiện những việc cần thiết cơ bản như soạn thư, trả lời thư, lưu trữ thư và kết nối với máy chủ thư điện tử để gửi thư, nhận thư, chuyển tiếp thư, xóa thư,... Một số trình thư tín phổ biến là Netscape Mail, Pegasus, Eudora nhưng thông dụng hơn cả là Outlook Express được gắn kèm miễn phí với hệ điều hành Windows. Ngoài ra với xu hướng phát triển mạnh của web, các trình thư tín dưới dạng web (web based mail - Webmail) ngày càng được người sử dụng ưa thích. Ngoài những tính năng cơ bản như trình thư tín thường, Webmail còn có một số ưu điểm như: không phải đặt lại cấu hình khi lấy thư từ nhiều máy hay tại một máy có nhiều người sử dụng; tránh được một số loại virus lây lan qua đường thư điện tử,...

Bạn có thể đăng ký hộp thư điện tử miễn phí dưới dạng Webmail tại địa chỉ: <http://mail.yahoo.com> hay <http://www.hotmail.com>

2.3. Địa chỉ thư tín (Mail Address)

Việc gửi, nhận thư điện tử cần phải có địa chỉ của nơi gửi và địa chỉ của nơi nhận. Địa chỉ của E-mail có dạng tổng quát như sau:

login-name@host-name

Trong đó *login-name* là tên tài khoản (cũng là tên hộp thư) của người nhận, *host-name* là tên miền (domain) mà máy chủ thư điện tử quản lý.

Ví dụ: Địa chỉ e-mail daoquangtrung@gmail.com, trong đó: [daoquangtrung](#) là tài khoản của người nhận và [gmail.com](#) là tên miền Google.

2.4. Cách gửi/nhận thư (Mail Delivery)

a) Gửi thư (Send Mail)

Sau khi người sử dụng máy tính dùng trình thư tín để viết thư, ghi rõ địa chỉ của người nhận rồi gửi đi thì máy tính sẽ chuyển bức thư đó cho máy chủ thư điện tử thông qua giao thức SMTP. Máy chủ thư điện tử của người gửi kiểm tra địa chỉ người nhận, xác định máy chủ thư điện tử của người nhận thư và dùng giao thức SMTP liên lạc với máy chủ của người nhận để chuyển thư. Trong trường hợp máy chủ thư điện tử của người nhận không kết nối với máy gửi thì máy gửi sẽ giữ thư điện tử trong khu vực lưu trữ tạm thời (Spool Area). Máy gửi sau đó sẽ tìm cách liên lạc với máy nhận để chuyển thư.

b) Nhận thư (Receive Mail)

Khi máy chủ thư tín của người gửi liên lạc được với máy chủ của người nhận thì việc chuyển thư sẽ được tiến hành. Trước khi nhận thư, máy nhận sẽ kiểm soát xem người nhận có hộp thư trên máy chủ hay không. Nếu người nhận thư có hộp thư, thư sẽ được bỏ vào hộp thư của người nhận trên máy chủ và chờ người nhận truy nhập để lấy về. Trường hợp nếu máy nhận kiểm soát thấy rằng người nhận không có hộp thư thì máy sẽ khước từ việc nhận thư. Trong trường hợp này, hệ thống sẽ thông báo cho người gửi biết là người nhận không có hộp thư.

Người nhận thư dùng trình thư tín truy nhập vào máy chủ thư điện tử của mình thông qua giao thức POP3 để kiểm tra và lấy thư mới về máy làm việc. Trình thư tín sẽ giúp người nhận đọc nội dung thư và các tệp tin đính kèm, quản lý các thư nhận về và trả lời hay chuyển tiếp chúng.

3. Truyền tệp tin (File Transfer Protocol - FTP)

Đây là phương thức cho phép chuyển các tệp tin từ bất kỳ một máy tính này tới một máy khác và thao tác trên cây thư mục của một máy tính trên mạng Inter / Intranet, bất kể máy đó ở đâu và sử dụng hệ điều hành gì, chỉ cần chúng được kết nối với Internet và có cài đặt FTP.

4. Bảng tin điện tử, diễn đàn (Bulletin Board, Forum)

Nhờ dịch vụ này, một số lượng người đồng ý có thể cùng theo dõi, chia sẻ các thông tin được cập nhật hằng ngày. Mọi người có thể gửi tin đến các mục tin được chia theo nhiều chủ đề và theo dõi các mục tin (chủ đề) mà mình quan tâm. Các chủ đề bao gồm từ các vấn đề máy tính học búa

cho đến những trò giải trí, từ những ý kiến tranh luận chính trị cho đến những vấn đề tầm thường nhất.

5. Trao đổi thông điệp tức thời (Chat, Voice Chat, Messenger)

Ta có thể "nói chuyện" với những người sử dụng khác ở bất cứ nơi nào trên mạng, thậm chí, một nhóm người cách xa nhau về vị trí địa lý cũng có thể ngồi cùng nhau thảo luận qua Internet. Các dịch vụ trao đổi thông điệp tức thời ngày càng phổ biến và được ưa chuộng. Tính "tức thời" và khả năng trao đổi thông tin nóng đã tạo ra sự khác biệt với các dịch vụ truyền thống khác trên Internet.

NHIỆM VỤ

Chọn câu trả lời đúng:

Câu 1: Dịch vụ nào cho phép sử dụng máy tính từ xa?

- A. Email.
- B. WWW.
- C. Telnet.
- D. Diễn đàn.

Câu 2: E-mail là viết tắt của.

- A. Exchange Mail.
- B. Electronic Mail.
- C. Electrical Mail.
- D. Else Mail.

Nội dung 2

HƯỚNG DẪN CÁCH SỬ DỤNG TRÌNH DUYỆT GOOGLE CHROME

Hoạt động 1: Tìm hiểu về trình duyệt web

THÔNG TIN CƠ BẢN

Các thông tin trên trang web có thể chứa siêu liên kết (hyperlinks) tới các nguồn thông tin khác. Mỗi liên kết có chứa các URI để đi đến các nguồn thông tin khác. Khi một liên kết được chọn, trình duyệt điều hướng người dùng tới trang thông tin khác.

NHIỆM VỤ

Trình duyệt (Browser) dùng để truy nhập web là phần mềm ứng dụng hay phần mềm hệ thống?

Hoạt động 2: Tìm hiểu trình duyệt web Google Chrome

THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Tài xuống và cài đặt Google Chrome

Trình duyệt web được cho là phần quan trọng nhất của phần mềm trong máy tính. Khi tìm kiếm, trò chuyện, gửi email, mua hàng, giao dịch ngân hàng, đọc tin tức và xem video trực tuyến,... thì ta phải tiến hành bằng một trình duyệt.

Google Chrome được thiết kế có tốc độ nhanh chóng trong mọi khía cạnh: Nhanh chóng khởi động từ màn hình, tải trang web chỉ trong thời gian ngắn và chạy các ứng dụng web phức tạp một cách nhanh chóng. Cửa sổ trình duyệt của Google Chrome có bố cục hợp lý, gọn gàng và đơn giản. Chrome cũng có các tính năng được thiết kế để mang lại tính hiệu quả và dễ sử dụng.

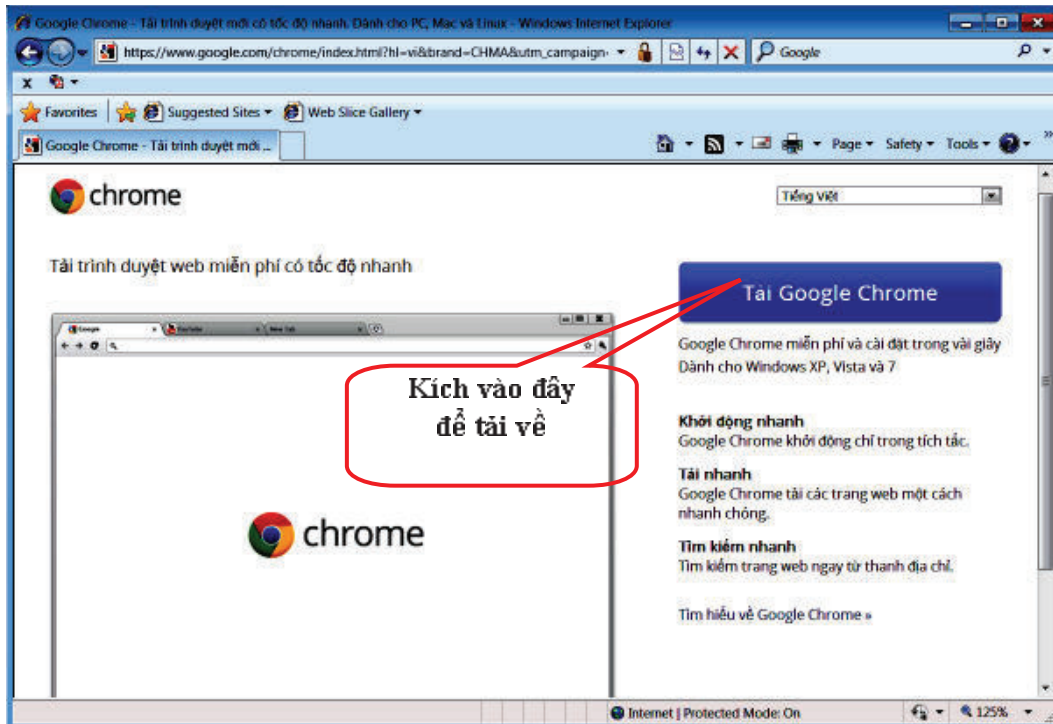
Google Chrome được thiết kế giúp an toàn và bảo mật hơn trên web với tính năng chống phần mềm độc hại và lừa đảo tích hợp sẵn, tự động cập nhật để đảm bảo trình duyệt luôn cập nhập với bản bảo mật mới nhất.

Hướng dẫn cài đặt Google Chrome

Google Chrome là một trình duyệt web miễn phí và chỉ mất một vài phút để cài đặt. Trình duyệt này đã có cho các máy tính chạy với các hệ điều hành Windows, Mac và Linux.

Để cài đặt Google Chrome cho máy tính, hãy thực hiện theo các bước dưới đây.

Bước 1: Truy cập vào <http://www.google.com/chrome/?hl=vi>.

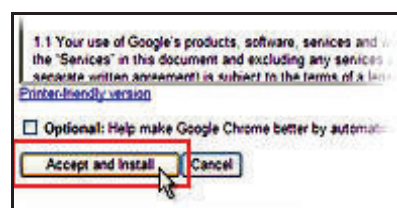


Bước 2: Bên trên nút tải xuống, hãy xác minh ngôn ngữ trình duyệt từ trình đơn thả xuống.

Bước 3: Nhấp vào Download Google Chrome. Bằng việc tải xuống tệp trình cài đặt từ trang web này, Google Chrome sẽ cung cấp phiên bản mới nhất.



Bước 4: Xem lại Điều khoản dịch vụ và nhấp vào Accept and Install để tiếp tục.



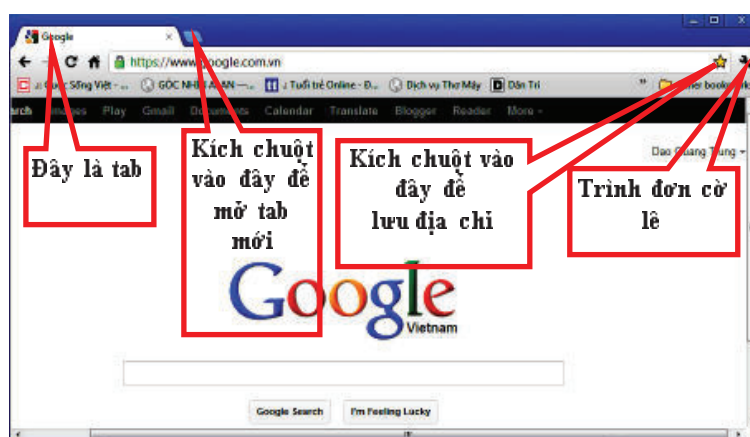
Bước 5: Sau khi đã tải xuống tệp trình cài đặt, hộp thoại "Chào mừng bạn đến với Google Chrome" sẽ xuất hiện và nhắc bạn chọn công cụ tìm kiếm muốn sử dụng làm mặc định trong trình duyệt.

Trang chủ và lịch sử trình duyệt sẽ được tự động nhập từ trình duyệt mặc định. Cửa sổ Google Chrome sẽ mở ra khi hoàn tất việc cài đặt.

2. Làm quen với Google Chrome

Khi ngày càng có nhiều thông tin được cung cấp trực tuyến hơn thì việc sử dụng một trình duyệt nhanh và an toàn trên máy tính trở nên vô cùng quan trọng. Google Chrome là trình duyệt mở trang web với tốc độ cực nhanh. Thiết kế của trình duyệt mang lại nhiều không gian hơn để duyệt các trang web ưa thích của mình. Hướng dẫn này giúp bạn tìm hiểu qua các tính năng chính của Google Chrome.

2.1. Tìm hiểu giao diện Google Chrome

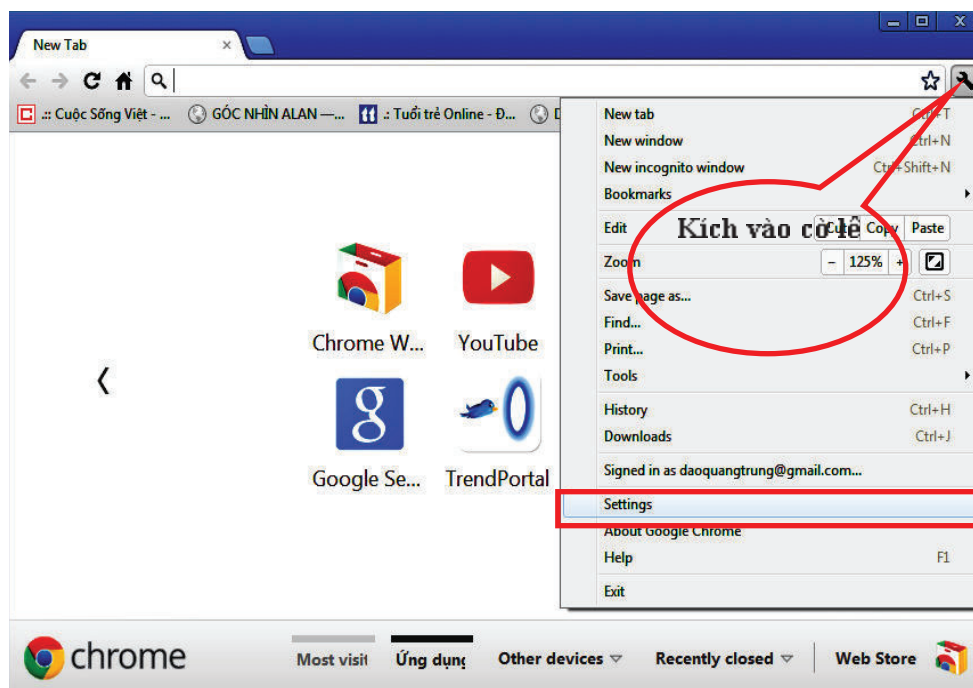


Giao diện Google Chrome

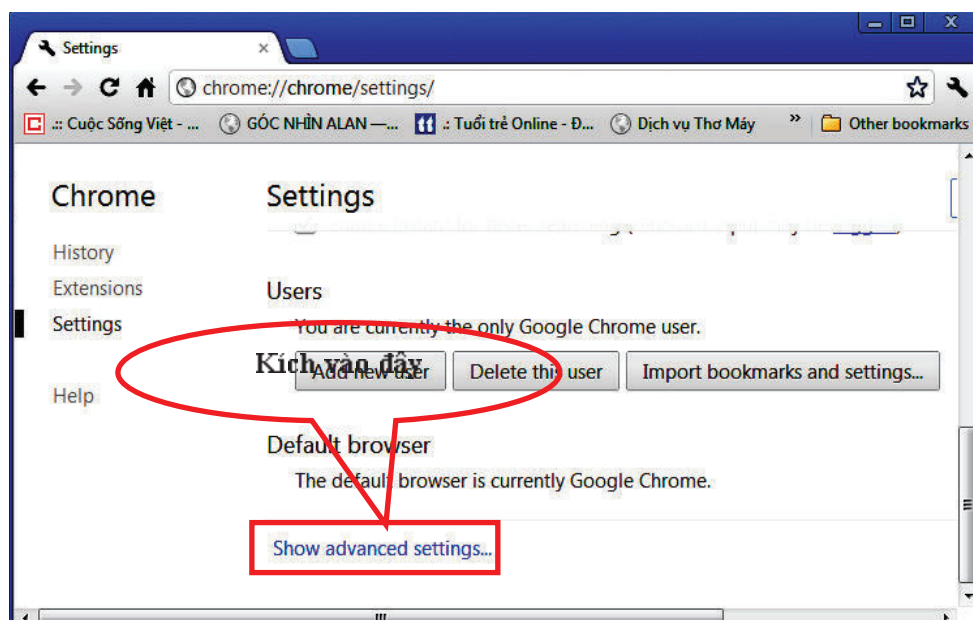
2.2. Chuyển đổi giao diện Google Chrome sang tiếng Việt

Ta thực hiện các bước như sau:

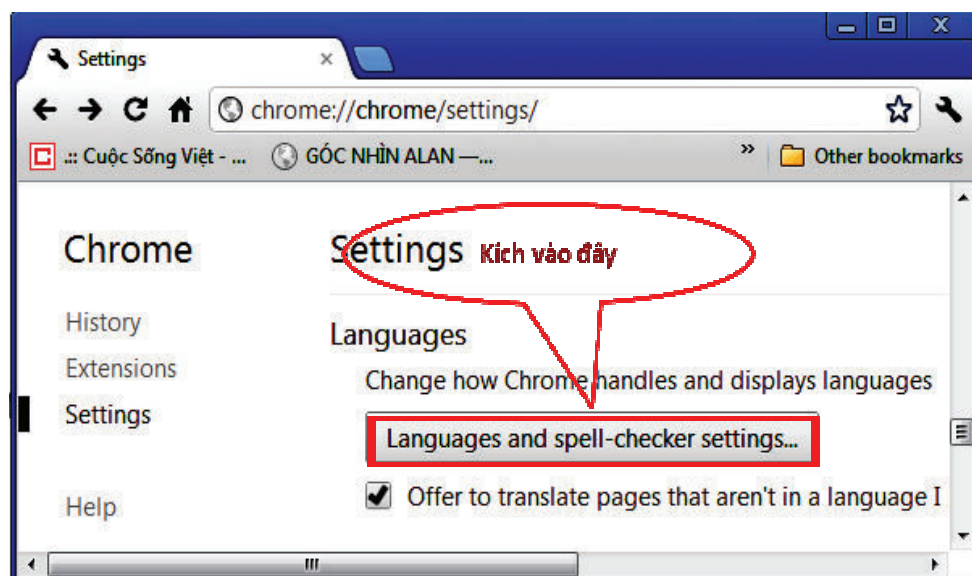
Bước 1: Kích vào biểu tượng cờ lê



Bước 2: Chọn Setting rồi kích vào “Show advanced setting”

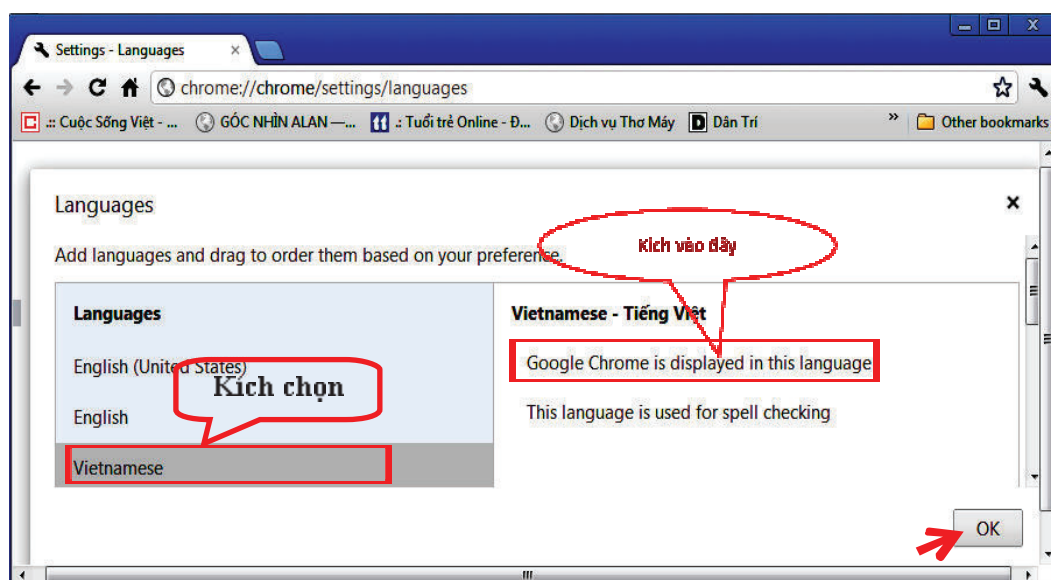


Bước 3: Kích vào “Languages and spell-checker setting”

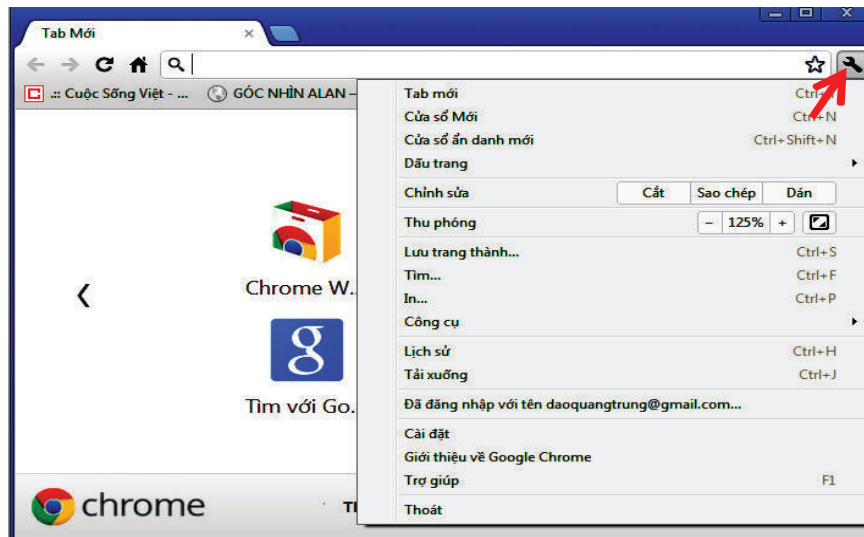


Bước 4: Kích chọn “Vietnamese” rồi kích vào “Google Chrome is displayed in this language” xong rồi nhấp chuột vào OK.

Thực hiện xong rồi bạn thoát khỏi Google.



Bước 5: Vào lại Google Chrome, kích vào biểu tượng cờ lê có hình sau:



Như vậy, ta đã chuyển được giao diện Google Chrome sang tiếng Việt. Từ nay trở đi tất cả các trang web (cả tiếng nước ngoài) đều hiển thị bằng tiếng Việt.

2.3. Duyệt web bằng các tab

Khi truy cập vào một trang web thì trang web đó mở ra dưới dạng một tab trong Google Chrome. Để mở tab mới, hãy nhấp vào nút . Tab nằm dọc theo thanh tab ở phía trên cùng của cửa sổ trình duyệt, vì vậy ta có thể dễ dàng chuyển đổi giữa các trang đang mở.

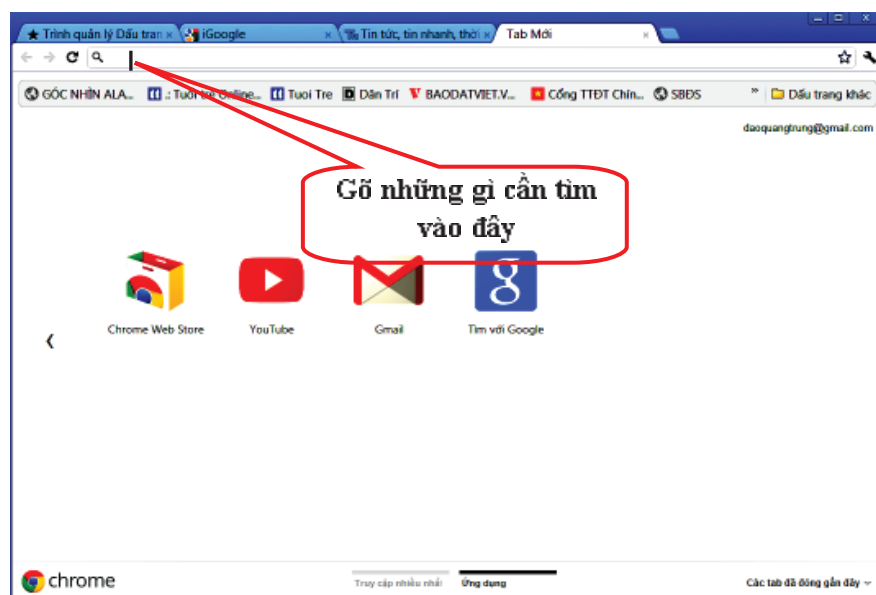
a) Một số thao tác thực hiện với tab:

- Kéo tab ra ngoài tạo thành cửa sổ riêng (đưa chuột vào tab, giữ chuột rồi kéo ra).
- Đưa tab vào một cửa sổ khác bằng cách nhấp và kéo tab ra ngoài, rồi đặt vào phần trên cùng của cửa sổ mới.
- Di chuyển tab bằng cách nhấp vào tab đó và kéo tab tới vị trí khác dọc thanh tab.

Nếu một trang bất ngờ ngừng hoạt động thì chỉ cần đóng tab đó. Không giống như một số trình duyệt khác, khi sử dụng Google Chrome thì một tab bị lỗi sẽ không ảnh hưởng tới hầu hết các tab khác hoặc sự hoạt động nói chung.

b) Tab mới tiện dụng

Trang tab mới được thiết kế để giúp ta tìm trang web tùy ý và truy cập càng nhanh càng tốt.

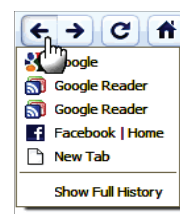


Theo thời gian, trang sẽ hiển thị các nguồn sau:

- Ảnh chụp nhanh (hoặc hình thu nhỏ) của các trang web được truy cập nhiều nhất. Chỉ cần nhấp vào một hình thu nhỏ đó để mở lại trang web. Có thể dễ dàng xóa các hình thu nhỏ cụ thể khỏi trang.
- Các tab và cửa sổ đã đóng gần đây.

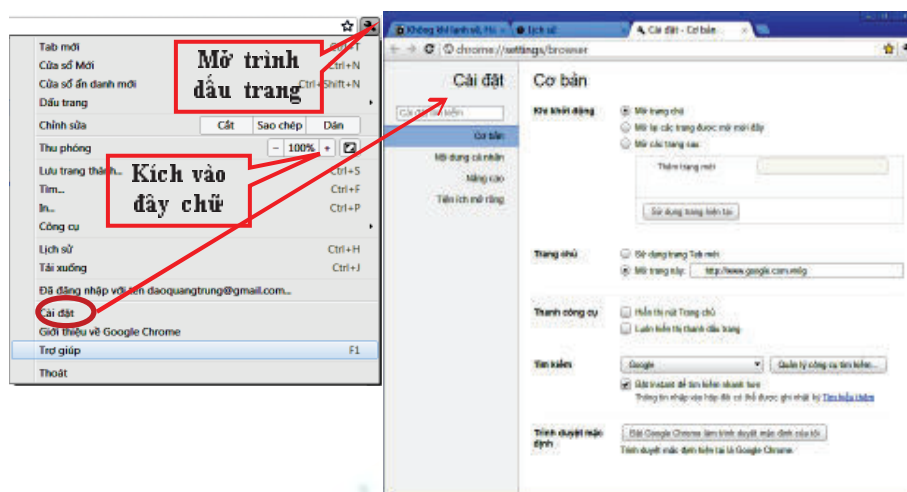
c) Truy cập lại vào các trang web đã truy cập

Sử dụng các mũi tên để đi tới các trang web vừa truy cập trong tab. Nhấp vào một mũi tên và giữ mũi tên đó để xem lịch sử duyệt web.



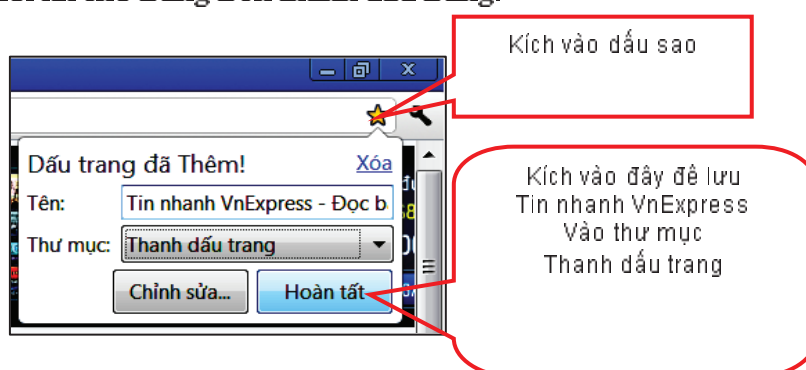
d) Mở trang chủ

Cho phép truy cập trang chủ của mình chỉ bằng một cú nhấp chuột. Đặt trang chủ bằng cách đi tới trình đơn cờ lê  > Tùy chọn > Cơ bản > Trang chủ.



e) Tạo dấu trang (mục ưa thích)

Để tạo dấu trang (giống như mục ưa thích trong Internet Explorer) cho trang đang truy cập, chỉ cần nhấp vào nút (☆). Thao tác này sẽ đặt một lối tắt cho trang trên thanh dấu trang.



f) Duyệt hoặc tìm kiếm trên web

Với Google Chrome, bạn không cần một hộp tìm kiếm thứ hai bởi vì thanh địa chỉ đóng cả vai trò làm hộp tìm kiếm.



Dưới đây là một số cách sử dụng thanh địa chỉ ngoài việc sử dụng nó để mở các địa chỉ web:

- Tìm kiếm trên web.
- Xem các kết quả phù hợp từ dấu trang và lịch sử duyệt web khi nhập.
- Xem các đề xuất cho các trang web và cụm từ tìm kiếm phổ biến khi nhập.

g) Quản lý các cài đặt trình duyệt

- Mở một tab hay cửa sổ mới.
- Mở một cửa sổ mới ở chế độ ẩn danh. Các trang truy cập vào trong cửa sổ này sẽ không được lưu trong lịch sử duyệt web.
- Cắt, sao chép hoặc dán văn bản.
- Thay đổi kích thước phông chữ của trang hiện tại.
- Xem toàn màn hình, thuận tiện khi xem video trên web.
- Lưu hoặc in trang hiện tại.
- Mở thanh tìm kiếm để tìm kiếm phần văn bản của trang hiện tại.
- Tìm hộp thoại Tùy chọn, nơi có thể nhập các cài đặt trình duyệt từ Internet Explorer. Tại đây, có thể điều chỉnh cài đặt cho trang chủ, cửa sổ bật lên, mật khẩu, tự động điền, tùy chọn bảo mật của mình và hơn thế nữa.

h) Tìm các dấu trang của bạn trên thanh dấu trang

Thanh dấu trang cung cấp khả năng truy cập dễ dàng vào các trang đã lưu. Giống như tab, dấu trang cũng dễ dàng sắp xếp lại và di chuyển chúng bằng cách kéo và thả vào thư mục hoặc trực tiếp lên thanh.

Một số mẹo hữu ích:

- Nhập các dấu trang hiện có từ các trình duyệt khác, như Firefox hoặc Internet Explorer. Bạn sẽ tìm thấy chúng trong thư mục "Dấu trang khác" ở cuối thanh dấu trang.
- Gắn thanh này vào bên dưới thanh địa chỉ. Thực hiện việc này bằng cách đi tới trình đơn cờ lê  > Công cụ > Luôn hiển thị thanh dấu trang.
- Sử dụng phím tắt Ctrl+Shift+B để bật hoặc tắt thanh.
- Bạn cũng có thể sử dụng trình quản lý dấu trang để sắp xếp và tổ chức dấu trang.